

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/ HNGĐ - ST

Ngày: 22/12/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Phạm Văn Thành

- Ông Lê Đức Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đào Thị H, sinh năm: 1989

- Bị đơn: anh Dương T, sinh năm: 1985

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 3, ấp 4, xã LS, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày: chị và anh Dương T tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã BC, huyện CD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2006 theo giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 28 tháng 6 năm 2006. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh T thường xuyên đi nhậu, khi đi nhậu về thì thường xuyên gây gổ và đánh đập chị H. Vợ chồng đã không chung sống với nhau từ năm 2008 cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung Dương C, sinh ngày 06/12/2005. Khi ly hôn chị yêu cầu giao cháu C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Dương T trình bày: Anh thống nhất với chị H về việc kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ

chồng không hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau và vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý; về con chung: anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương C và không yêu cầu cấp dưỡng; tài sản chung, nợ chung: không có.

* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có chậm xử lý đơn và thụ lý vụ án theo Điều 191 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: cho chị H ly hôn anh T; giao cháu Dương C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời chị H không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Đào Thị H có đơn yêu cầu ly hôn với anh Dương T và giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật là: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: chị Đào Thị H yêu cầu ly hôn với anh Dương T nên chị H là nguyên đơn, còn anh T là bị đơn trong vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: anh Dương T và chị Đào Thị H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị H.

[4] Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị H kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị H, anh T đều thừa nhận vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng ly thân đã lâu không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị H và anh T thuận tình ly hôn.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: chị H và anh T đều thống nhất, vợ chồng có 01 con chung cháu Dương C, sinh ngày 06/12/2005. Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu C cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Đồng thời, cháu C cũng có nguyện vọng sống với anh T. Xét sự thỏa thuận của các đương sự không trái quy định pháp luật nên chấp nhận giao cháu Dương C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T không yêu cầu và chị H cũng không cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không có ai có đơn yêu cầu giải quyết về nợ chung nên không xem xét.

[8] Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Xét thấy quan điểm của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 90, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận chị Đào Thị H và anh Dương T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao cháu Dương C, sinh ngày 06/12/2005 cho anh Dương T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tạm thời chị Đào Thị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh T, chị H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: các đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết

- Về nợ chung: các đương sự khai không có và cũng không ai yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí mà chị H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002117 ngày 24/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện CM;
- UBND xã BC;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung